

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/DS-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.
2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: số 681, tổ 22, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2019 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 477A/24, khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thu T (K), sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 05, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990. Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2019 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Ông Lê Thành T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 05, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn P trình bày:

Trước đây bà H có làm chủ hội tại địa bàn ấp L, xã B, bà Nguyễn Thị Thu T (K) cùng chồng là ông Lê Thành T (M) có tham gia nhiều dây hội do bà H làm chủ, cụ thể các dây hội như sau:

Hội chết:

1/ Dây hội thứ nhất: hội 3.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, bà H tham gia 02 phần trong dây hội này. Hội khai lần đầu ngày 06/03/2018al, hiện nay chưa mãn.

- Phần hội thứ nhất thì bà T, ông T châu được 02 lần, bà T, ông T đã hốt ngày 06/03/2018al được 47.500.000đồng, bà H đã giao tiền hốt hội cho ông T vào ngày 10/05/2018al. Sau khi hốt thì bà T châu lại được 04 lần (ngày 06/06, 06/07, 06/08, 06/09/2018al) thì ngưng châu hội chết.

- Phần hội thứ 2 thì bà T châu từ ngày 06/03/2018al đến ngày 06/09/2018al được 06 lần. Hiện nay thì bà T ngưng châu hội kỳ tháng 10/2018al .

2/ Dây hội thứ hai: hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, bà T, ông T tham gia 01 phần trong dây hội này. Hội khai ngày 30/06/2018al, hiện nay chưa mãn dây hội này. Bà T, ông T châu được 03 lần (tháng 06, 07,08/2018al). Từ ngày tháng 09/2018al đến nay thì bà T ngưng châu hội.

3/ Dây hội thứ 3: hội 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/04/2017al, gồm 22 phần, ông T (lấy tên M) tham gia 01 phần. Ông T đã hốt vào kỳ mở hội thứ 3 (tháng 06 trước /2017al) được số tiền 44.400.000 đồng. Sau khi hốt thì ông T châu lại được 17 lần, đến tháng 09/2018al thì ngưng châu hội chết.

4/ Dây hội thứ 4: hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 27 phần, khai ngày 25/10/2016 al. Bà Nguyễn Thị Thu T lấy tên K tham gia chơi hội tham gia 02 phần.

- Phần thứ 1: Hốt hội tại kỳ hội thứ 6 (ngày 25/03/2017al), bà T hốt được 36.000.000 đồng. Sau khi hốt thì bà T (K) châu lại đến tháng 09/2018al thì ngưng châu hội chết.

- Phần thứ 2: Hốt hội tại kỳ hội thứ 12 (tháng 09/2017al), bà T hốt được 37.520.000 đồng. Sau khi hốt thì bà T (K) châu lại được đến tháng 09/2018al thì ngưng châu hội chết.

5/ Dây hội thứ 5: hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, khai ngày 10/12/2017al. Ông T (M) tham gia 01 phần trong dây hội này. Ông T đã hốt vào tháng 03/2018al được số tiền 29.000.000đồng. Sau khi hốt thì ông châu lại được 06 kỳ đến tháng 09/2018al thì ngưng không châu hội chết.

6/ Dây hội thứ 6: hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/06al (tháng 6 sau của năm 2017), gồm 24 phần, ông T (M) tham gia 01 phần trong dây hội này. Ông T đã hốt vào kỳ thứ 13 ngày 30/06/2018al được số tiền 35.430.000đồng. Sau khi hốt thì ông T (M) châu lại đến tháng 09/2018al thì ngưng không châu hội chết.

Tổng cộng các dây hụi thì ông T(M) bà T (K) còn nợ bà H số tiền 110.000.000đồng.

Hụi sống: ông T, bà T châu được số tiền 27.000.000 đồng. Ngày 15/01/2019, bà Nguyễn Thị Thu T(K) ký biên nhận xác nhận: bà K còn nợ bà H số tiền sau khi cần trừ hụi chết, hụi sống thì bà còn phải trả cho bà H số tiền 83.000.000đồng .

Do ông T, bà T là vợ chồng hiện còn chung sống và ông Tâm , bà T tham gia các dây hụi của bà H để sinh hoạt phí chung trong gia đình. Do đó yêu cầu ông T, bà T liên đới trả số tiền hụi cho bà H 83.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Kim T trình bày: thống nhất với nội dung khởi kiện của nguyên đơn, hiện bà T còn nợ số tiền hụi của bà H 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng), nhưng do không còn khả năng trả, nay xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đến ngày 01/01/2020 sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho bà H cho đến khi thanh toán dứt số tiền 83.000.000 đồng

Bị đơn ông Lê Thành T (M) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông T về nội dung đơn khởi kiện của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án

+ Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H ủy quyền cho ông P, tại phiên tòa ông P có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

+ Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hợp đồng hụi giữa bà H và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện bằng các giấy hụi, có các hụi viên cùng tham gia và biên nhận nợ ngày 15/01/2019. Do bà T vi phạm nghĩa vụ của hụi viên nên bà H khởi kiện là có căn cứ và phù hợp các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự.

Riêng ông T tuy không trực tiếp tham gia giao dịch và nhận tiền từ bà H nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên việc bà H yêu cầu ông T cùng bà T liên đới trả 83.000.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Về lãi suất, do bà H không yêu cầu nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 282, 429, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Phạm Thị Thúy H khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T (K), ông Lê Thành T (M). Bà Nguyễn Thị Thu T (K), ông Lê Thành T (M) có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 22/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T (K) là bà Trần Thị Kim T và bị đơn ông Lê Thành T (M) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Căn cứ nội dung trình bày, các Giấy hội kèm theo danh sách hội viên trong đó có ghi hội viên tên M và K tham gia hợp đồng hội do bà H làm chủ, biên nhận ngày 15/01/2019 nên có cơ sở xác định giữa bà H, bà T (K) và ông T (M) có xác lập hợp đồng hội. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

Xét thấy, hợp đồng giữa các đương sự là hội hưởng hoa hồng nên khi thành viên hốt hội xong thì có nghĩa vụ đóng tiền hội cho chủ hội trong những kỳ hội còn lại. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền hội như đã thỏa thuận cho bà T, ông T khi bà T, ông T hốt hội. Bà T, ông T đã đóng được 27.000.000 đồng tiền hội chết và còn nợ lại 83.000.000 đồng tiền hội theo biên nhận ngày 15/01/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cũng thừa nhận còn nợ bà H số tiền trên, việc bà T, ông T không trả tiền hội là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hội viên nên phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền hội 83.000.000 đồng. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 12/8/2019 xác định ông T và bà T là vợ chồng, ông T, bà T cùng tham gia hợp đồng hội, hợp đồng này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch được vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà T, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tiền hội còn nợ 83.000.000 đồng theo quy định tại Điều 280, Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu T (K), ông Lê Thành T (M) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 429, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy H.
- Buộc bà Nguyễn Thị Thu T (K), ông Lê Thành T (M) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Thúy H số tiền hui còn nợ 83.000.000 đồng (*Tám mươi ba triệu đồng*).
- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T (K), ông Lê Thành T (M) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.150.000 đồng (*Bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Phạm Thị Thúy H được nhận lại 2.075.000 đồng (*Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0012862 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị Thúy H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Thu T (K), ông Lê Thành T (M) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên

